

SỰ HÌNH THÀNH ĐỘI NGŨ NHÀ THƠ, NHÀ VĂN NỮ NỬA ĐẦU THẾ KỶ XX

ĐẶNG THỊ NGỌC PHƯƠNG
Trường Đại học Sư phạm - Đại học Huế

Tóm tắt: Văn học Việt Nam nửa đầu thế kỷ XX đang diễn ra quá trình hiện đại hoá. Cùng với sự đổi thay chung của đời sống văn học, việc xuất hiện nhiều cây bút nữ đánh dấu một chặng đường mới của văn học. Diện mạo văn học nữ góp phần tạo nên tính chất đa dạng của một nền văn học mới, đồng thời thể hiện tính dân chủ của nền văn học hiện đại. Những đóng góp của các cây bút nữ giúp người đọc nhận diện một thế giới hiện thực đa dạng và giàu tính chất nhân văn. Bài báo này góp phần ghi nhận những đóng góp bước đầu của các cây bút nữ trong quá trình hiện đại hoá văn học Việt Nam.

Từ khóa: văn học Việt Nam, văn học nữ, nữ quyền, cá tính sáng tạo

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Văn học Việt Nam là sự tích hợp từ hai dòng văn học dân gian và văn học viết. Khác với văn học dân gian, văn học viết hình thành đã "mở ra một thời kỳ lịch sử mới, oanh liệt, rực rỡ" (Đặng Thai Mai). Cùng với những thăng trầm của lịch sử, văn học viết tạo được vị trí độc lập của mình sau một thời gian dài văn-sử-triết bất phân.

Văn học viết Việt Nam phát triển mạnh mẽ nhưng dường như tiếng nói của nam giới luôn là âm thanh chủ đạo. Người phụ nữ muốn thể hiện những khát vọng của mình nhưng sự biểu hiện của họ vẫn nằm ở ngoại vi của dòng văn học chính thống. Đầu thế kỷ XX, dưới sự ảnh hưởng của phong trào giải phóng nữ quyền, lại được tiếp sức bởi văn hoá phương Tây, phụ nữ dần dần khẳng định vai trò, vị thế của mình ở mọi lĩnh vực trong cuộc sống, từ chính trị đến kinh tế, từ khoa học đến sáng tác văn chương. Họ đã cầm lấy ngòi bút, tạo dựng văn nghiệp cho chính mình. Chính họ đã đặt nền tảng và góp sức mình tạo nên diện mạo mới của một nền văn học mới. Có thể xem, tiếng nói của các nhà văn nữ là một thành tựu của quá trình đổi mới văn học hiện đại ở Việt Nam. Tìm hiểu sự hình thành đội ngũ nhà thơ, nhà văn nữ nửa đầu thế kỷ XX là một trong những cách tiếp cận văn học, có khả năng tái hiện đúng và đa dạng diện mạo văn học Việt Nam.

2. SỰ KẾ THỪA NỀN VĂN HỌC TRUYỀN THỐNG

Những quan niệm mang tính truyền thống về phái tính đã khiến cho người phụ nữ trở thành kẻ lệ thuộc. Không phải ngẫu nhiên mà những luật lệ hà khắc của Nho giáo như những sợi dây vô hình siết chặt đời sống người phụ nữ cả về thể xác lẫn tinh thần. Họ bị gạt ra bên lề xã hội với thành kiến "Nhất nam viết hữu, thập nữ viết vô". Mặc dầu trên thực tế, phụ nữ chiếm quá nửa dân số toàn cầu và vai trò của họ không kém phần quan trọng trong việc xây dựng văn minh xã hội và sự trường tồn nhân loại. Nhìn vào Việt Nam, từ xưa, dân tộc ta đã sống theo chế độ mẫu hệ. Sau một ngàn năm Bắc thuộc, quan

niệm “trọng nam khinh nữ” đã trở thành tín điều. Người phụ nữ bị trói buộc trong bốn phạm: “*Trai khôn làm việc quan/Gái ngoan giữ việc nhà*”. Hoặc: “*Phận gái tứ đức tam tông/Hết nương cha mẹ, nương chồng, nương con*”.

Khe khát như thế, vậy mà ở bất cứ thời đại nào cũng nảy sinh những phụ nữ giàu nghị lực, âm thầm phấn đấu vượt lên những định kiến xã hội. Nhiều trường hợp gái giả trai đi học, đi thi, điển hình là bà Nguyễn Thị Duệ đỗ tiến sĩ đời nhà Mạc; Bà Nguyễn Thị Xuân đội lốt thư sinh đã đoạt giải nhất trong cuộc thi thơ; Bà Chúa Kim Cương (Trịnh Thị Ngọc Trúc) là một nữ học giả uyên thâm đời chúa Trịnh, người đã soạn từ điển sớm nhất nước ta. Sau đó, còn có những thi bá xuất sắc như: Đoàn Thị Điểm, bà Huyện Thanh Quan và nổi tiếng hơn cả là bà chúa thơ Nôm Hồ Xuân Hương. Không chỉ văn mà còn võ, nữ giới cũng dũng mãnh, phi thường như nhị vị Trung nữ Vương, thống soái Triệu Nương, đô đốc Bùi Thị Xuân, những bậc anh thư hiếm có trong lịch sử nước nhà.

Những gương mặt nữ bắt đầu xuất hiện và khẳng định tên tuổi trên văn đàn vào nửa cuối thế kỷ XVIII. Dẫu còn số còn ít ỏi nhưng những gương mặt như: Đoàn Thị Điểm, Bà Huyện Thanh Quan, Hồ Xuân Hương, Lê Ngọc Hân... đã tạo thành một âm sắc nữ khác biệt so với các sáng tác của nam giới. Mỗi tác giả có một giọng điệu riêng, một phong cách riêng. Gắn chặt với trào lưu tư tưởng nhân văn thời bấy giờ, các cây bút nữ đã cất lên tiếng nói thể hiện ý thức về thân phận, về bi kịch của người phụ nữ. Trong đó, nổi bật nhất là hiện tượng độc đáo Hồ Xuân Hương. Những bài thơ của bà chúa thơ Nôm tạo nên sự bùng nổ của khát vọng đòi quyền sống cho giới nữ. Nữ sĩ Hồ Xuân Hương lấy bản thân mình làm đối tượng để tự bộc lộ, trực tiếp miêu tả, phản ánh bằng cái nhìn từ phía bên trong, cái nhìn nội tại. Tâm trạng của chủ thể được bộc lộ trực tiếp bằng suy nghĩ. Nếu như Nguyễn Du từ nhìn thấy, nghe thấy rồi cảm thấy để nói lên được nỗi đau, tủi nhục của nàng Kiều thì Hồ Xuân Hương bằng những câu thơ “*tự tình*” đã trải ra một thế giới phức cảm của người phụ nữ phải gánh chịu nỗi đau “*Kẻ đắp chăn bông, kẻ lạnh lùng*”. Các nhà văn nam không thể vượt qua những vách ngăn khác biệt giới tính. Họ chỉ có thể thể nghiệm chứ không trải nghiệm một cách hiện thực những gì hiện hữu bên trong tâm hồn người phụ nữ. Văn học trung đại đã cất lên những tiếng nói của nữ giới, một bước tiến mới về vấn đề phái tính và giải phóng nữ quyền mà Hồ Xuân Hương dường như là người phụ nữ tiêu biểu trong lịch sử văn học Việt Nam.

Cuộc sống hiện đại, khi đa số phụ nữ tham gia các hoạt động xã hội, giá trị của người phụ nữ dần dần tỉ lệ thuận với những đóng góp của họ về kinh tế, văn hoá đối với gia đình và xã hội. Họ bắt đầu ý thức về bản thân mình, nhìn nhận lại mình và bộc lộ khát vọng tự do. Sự xuất hiện của các nhà văn, nhà thơ nữ có ảnh hưởng không nhỏ đến văn học Việt Nam nửa đầu thế kỷ XX.

3. SỰ THỬ NGHIỆM CỦA CÁC CÂY BÚT NỮ

Các nhà văn, nhà thơ nữ xuất hiện đầu tiên ở Nam Bộ. “*Nam Kỳ là đất thuộc địa đã lâu hưởng một chế độ tương đối rộng rãi hơn Trung Kỳ và Bắc Kỳ, những tư tưởng dân chủ tư sản đã có đủ thời gian thấm vào mảnh đất này*” [1, tr. 15]. Những cây bút nữ: Sương Nguyệt Anh, Mộng Tuyết, Băng Tâm nữ sĩ, Đinh Hương, Đặng Thị Hối, Nguyễn Thị

Manh Manh... ra đời từ mảnh đất này. Họ không chỉ là các bậc nữ lưu tiên phong trong các hoạt động văn hoá, xã hội mà còn là những nữ sĩ tiên phong trong lịch sử văn chương.

Chặng đầu là các nhà thơ đi theo phong cách cổ điển, rất đậm đà với nghĩa nước tình nhà như: Sương Nguyệt Anh, Cao Thị Ngọc Anh, Đạm Phương... Họ đều chung một nguyện vọng, một tâm tình với các nhà thơ, chí sĩ yêu nước của thời kỳ Cần vương, Duy tân. Với Trương Phố, tiếng nói trái tim được thể hiện rõ nét hơn, đi xa hơn cả nỗi cô đơn của người chinh phụ với những cảm xúc náo nùng, nỗi đau trần thế. Khi phong trào Thơ mới xuất hiện, phụ nữ cũng góp được vài tiếng thơ với thơ của Anh Thơ, Thu Hồng, Vân Đài, Ngân Giang, Hằng Phương, Mộng Tuyết... Bốn tác giả: Vân Đài, Anh Thơ, Mộng Tuyết, Hằng Phương... là những gương mặt nữ hiếm hoi của phong trào Thơ mới được Hoài Thanh đưa vào **Thi nhân Việt Nam**, “Không sắc sắc, tài hoa nhưng dịu dàng giàu tình cảm và không thiếu tinh thần yêu nước” [1, tr. 25].

Những thập kỷ đầu thế kỷ XX đã chứng kiến sự thay đổi vị trí xã hội của người phụ nữ. Từ “chôn buồng the” nhiều chị đã vươn tới hoà nhập cùng xã hội. Từ tình cảm quê hương đất nước, những tình cảm riêng tư, họ đã dũng cảm khẳng định khả năng, ý thức của mình bằng những hành động trên báo chí, diễn thuyết, nghiên cứu, biên dịch gây một phong trào Nữ lưu đáng chú ý. Và cao hơn nữa, mạnh mẽ hơn là dang hiến cả tuổi trẻ, tài năng, sức lực của mình cho cách mạng, cho nhân dân. Thơ văn nữ được tiếp nối từ nguồn mạch đầu thế kỷ XX. Đó là tiếng thơ dân dã, hồn nhiên; giọng điệu thanh thoát, đầm thắm được vun đắp từ truyền thống. Thơ văn nữ đã có giọng điệu riêng của họ.

Sự hình thành của văn học nữ và sự xuất hiện mạnh mẽ của âm hưởng nữ quyền trong văn học minh chứng cho tính dân chủ của thời đại ngày nay. Khát vọng bình đẳng giới, vì thế, không đồng nghĩa với việc đòi hỏi thay đổi chức năng giới tính mà nhằm tạo một môi trường thuận lợi nhất để các giới thực hiện tốt nhất thiên chức của giới mình theo tinh thần hiện đại. Vì vậy, để hình thành một nền văn học cho nữ giới thực sự cần phải xây dựng được một nền “văn học con người”, lấy việc xem xét lập trường giá trị con người bình đẳng, nhận xét và phản tỉnh vận mệnh của nam giới và nữ giới và thực trạng sinh tồn của họ.

Ở giai đoạn thứ nhất, ý thức phái tính được đánh thức bởi chính các “Nữ sĩ tiên phong cổ xuý phong trào nữ quyền qua hoạt động báo chí và văn học” như Hằng Phương, Sương Nguyệt Anh, Phan Thị Bạch Vân. Tuy nhiên, những bài viết có tính chất tìm hiểu mối quan hệ giữa văn học với phụ nữ chỉ bắt đầu xuất hiện từ những năm 1929, 1930 trên tờ **Phụ nữ tân văn**, khi Phan Khôi mở chuyên mục “Văn học với nữ tánh”. Đây là lần đầu tiên trong lịch sử nước nhà, phụ nữ trở thành trung tâm của cuộc bàn luận văn chương.

Giai đoạn này có không ít người cầm bút nữ. Họ làm thơ, viết văn, đăng báo, sáng tác tiểu thuyết, viết truyện danh nhân. Đầu thế kỷ này riêng ở Nam Trung Bộ có đến 20 tác phẩm của các cây bút nữ in thành sách: Truyện **Cô Nguyệt Hồng** của Hồ Thị Quế (1926), **Lương duyên túc đế** của Trần Thái Nguyên, Nguyễn Thị Truyện (1927), **Tây phương mỹ nhân** của Huỳnh Thị Bảo Hoà (1927), **Kim Tú Cầu**, **Hồng phần tương tri**, **Chung Kỳ Vinh** của Đạm Phương (1927), **Chuyện ly kỳ** của Lê Ngọc Diệp (1927), **Kiếp hồng nhan** của Mộng Kỳ (1927), **Nữ huấn ca** của Trần Thị Hương Khánh

(1927), **Tiếng đàn tri âm** của Đặng Thị Hôi (1928), **Đất bằng sấm dậy** của Cẩm Vân nữ sĩ (1928), **Truyện thần tiên Á Đông** của Thái Thị Thanh (1928), **Gương nữ kiệt** của Phan Thị Bạch Vân (1928), **Giọt lệ phòng đào** của Nguyễn Thị Thanh Hà (1928), **Nữ anh tài** của Hoàng Thị Tuyết Hoa (Tập 1,2) (1928), **Tuyết Nương** của Mai Lan Quế (1928), **Tái sanh kỳ ngộ** của Phạm Thị Phượng (1928), **Một đời mây thân** của Nguyễn Thị Đan Tâm (1929), **Một tấm lòng son** của Huỳnh Thị Kim Liên (1930), **Lưu hương diển nghĩa** của Lê Kim Quế, **Gương đấu tranh** của Đặng Thị Hôi (1930)... Sự ra đời của những cây bút nữ trong giai đoạn đất nước đang hiện đại hoá văn học thật sự có ý nghĩa quan trọng. Những tác phẩm đó tái hiện bức tranh xã hội lúc bấy giờ.

Dù ở khía cạnh nào biểu hiện những buồn vui, khát vọng riêng tư, nỗi đau nhân thế, bực bực tâm sự ưu ái với nước, với nhà hay bàn luận những vấn đề xã hội, nữ giới, về gia đình hoặc thể hiện quyết tâm chiến đấu vì lý tưởng cao cả... thì sáng tác của các tác giả nữ đều thấm đẫm chất nhân văn: thương cảm, quan tâm đến mỗi cuộc đời, mỗi số phận và mọi người trong số phận chung của cả dân tộc, cộng đồng.

4. MỘT CÁCH NHÌN MANG MÀU SẮC RIÊNG CỦA CÁC CÂY BÚT NỮ

Phương Đông có cái nhìn về giới gắn liền với thể giới quan nhị nguyên trong cách thức lý giải lịch trình vận hành và biến hoá của vũ trụ, thể hiện rõ nét qua thuyết âm dương của triết học Trung Hoa cổ đại. Theo đó, người nam mang nguyên lý dương, người nữ mang nguyên lý âm. Quan niệm âm dương hoà hợp, “không tồn tại biệt lập mà thống nhất, chế ước lẫn nhau” [3, tr. 41] trong tính thống nhất, toàn vẹn, cân bằng đã dẫn đến quan niệm bình đẳng giới. Đặc biệt, ở các nước Nam Á, cộng đồng dân cư của nền nông nghiệp lúa nước rất coi trọng người nữ, người mang đến thiên chức duy trì sự tồn tại của giống nòi. Họ “vun xới sự quý trọng người nữ, vì phụ nữ đẻ ra sự sống mới và gắn gũi với thiên nhiên hơn đàn ông” [3, tr. 41]. Tuy vậy, trong đời sống họ vẫn chịu nhiều thiệt thòi so với nam giới.

Khi ý thức về giới đã và đang trỗi dậy một cách mãnh liệt, con người, xã hội và văn hoá nhân loại ghi nhận một cái nhìn mới, một cách nghĩ mới. Nếu như trong lĩnh vực chính trị, xã hội người phụ nữ đấu tranh cho nữ quyền, cho sự bình đẳng giới thì trong sáng tác nghệ thuật, họ bộc lộ tư tưởng và cảm xúc của chính mình, ý thức về bản thể con người mình và thể giới xung quanh. Người phụ nữ tự bộc lộ, tự tái hiện chính mình. Văn chương nữ khởi đầu cho một con đường đi dài trong tương lai của nghệ thuật ngôn từ. Bản thể tính nữ đã tạo nên một cái nhìn nghệ thuật mới. Khi cầm bút, các nhà văn nữ vừa tái hiện thể giới hiện thực riêng vừa thể hiện một thể giới quan, nhân sinh quan riêng biệt. Người phụ nữ được đưa vào tầm ngắm thường trực với cái nhìn nhạy cảm của các nhà văn nữ để thấu nhận từng chi tiết của thể giới nữ.

Từ nửa thế kỷ qua, văn nữ ra đời với hàng loạt tác giả ngang ngửa với nhà văn phái mạnh và trong đời sống xuất hiện khái niệm “âm thịnh dương suy”. Nó có thể không đúng chỗ này, chỗ khác nhưng ít ra cũng cho thấy cần khảo sát những nhà văn nữ trong quan sát văn học Việt Nam nói chung. Ngay Phương Lựu trong bài viết của mình đã không ngần ngại cho rằng: “Tâm lý nữ giới rất thích hợp cho sáng tác nghệ thuật” [2, tr.

145]. Nguyễn Thị Thanh Xuân lại cụ thể hơn mối quan hệ đó, “Văn chương và phụ nữ có mối quan hệ kỳ diệu, lạ lùng và thú vị”. Tác giả viết: “Chúng ta đã quen gọi phụ nữ là phái đẹp. Chỉ trên cách gọi này phụ nữ có cái gì đó rất gần gũi với văn chương vì văn chương đã bao hàm trong lòng nó cái đẹp. Văn sáng, chương đẹp. Văn chương chính là sự ngợi ca, tôn vinh, sự phát hiện và bảo vệ cái đẹp bằng ngôn từ” [5, tr. 9].

Theo nhiều tài liệu nghiên cứu về tâm lý học thì nữ giới rất nhạy cảm, dễ xúc động, đặc biệt rất nhạy cảm với những gì liên quan đến nhân phẩm của mình. Nữ giới lại có một năng lực tưởng tượng. Họ có độ hoá thân, nhiều lúc “thoát khỏi bản thân mình” (theo nữ văn hào George Sand). Nữ giới có tài quan sát, có cảm nhận tinh tế, có năng lực ngôn ngữ. Tất cả đều tạo nên ưu thế riêng cho nữ giới khi đi vào lĩnh vực sáng tác nghệ thuật, đặc biệt đối với nghệ thuật văn chương. Nhu cầu phản ánh hiện thực xã hội trong các nhà văn nữ là nhu cầu nội tại, bởi nó sinh ra từ hiện trạng đầy bức xúc của giới mình. Họ đã trở thành lực đẩy chủ đạo thúc đẩy sáng tác. Họ phản ánh hiện thực của chính mình, một hiện thực đầy mâu thuẫn khiến họ quan tâm, trăn trở, nghiền ngẫm về nó. Vì thế, nhu cầu viết là con đường để họ vượt thoát đời sống tinh thần, để được sẻ chia, giải bày về thân phận của chính mình và giới mình. “Ở phụ nữ, nguyên do chính là sự lạc lõng và cô đơn. Họ cần sự chia sẻ và cảm thông. Có người gặp khó khăn trong cuộc sống gia đình hay gặp trắc trở trong những giao tế ngoài xã hội. Người phụ nữ phải phấn đấu để vươn lên, vượt thoát những ràng buộc thành kiến xã hội. Tất cả những hoang mang, lảm lẩn, xáo trộn tinh thần, tích lũy ngày càng nhiều, tạo sự uất ức không còn đè nén được và nó bùng nổ qua ngòi viết. Viết đã biến thành một thứ vũ khí của sự sống còn” [4]. Hơn thế nữa, người phụ nữ thường ở trạng thái khép kín, tĩnh tại. Những mối quan hệ chính yếu và quan trọng nhất của họ xoay quanh và bó hẹp trong phạm vi gia đình. Các quan hệ xã hội luôn bị hạn chế, bị những rào cản từ chính quan niệm xã hội, từ chính vai trò và chức năng của người phụ nữ trong gia đình. Thực trạng này đặc biệt nặng nề trong những thời kỳ lịch sử trước đây. Trong sự thụ động tĩnh tại ấy, người phụ nữ lấy mình làm đối tượng cảm nhận, khám phá chính mình và khát khao sự đồng cảm.

Hiện thực cuộc sống luôn là mảnh đất màu mỡ khơi nguồn cho mọi cảm hứng sáng tạo. Cuộc sống đó đã giúp những người phụ nữ bình tĩnh, tự tin, già dặn, kín đáo và khiêm tốn. Các chị bản khoăn, day dứt khi cầm bút. Các chị đã khám phá mọi góc ngách của cuộc sống, những hiện thực trên cái muôn hình, nghìn vẻ của nó. Những sáng tác của những người phụ nữ này nóng hổi chất sống của cuộc đời, để lại trong kí ức của bạn đọc nhiều ấn tượng khó phai mờ.

Vượt lên, tự khẳng định và gây được ấn tượng cho người đọc, đó không phải là điều dễ dàng đối với người cầm bút và lại càng khó khăn hơn với các cây bút nữ từng phải chấp nhận những trói buộc kỳ thị nghiệt ngã của xã hội, của gia đình. Non kém về trình độ, hao hụt về tài năng và bản lĩnh, chắc chắn sẽ không tránh khỏi số phận bị nhấn chìm, vô tăm tích trong dòng chảy ào ạt của thời gian và văn học. May thay, nhiều ấn phẩm của các chị từ những thập niên đầu thế kỷ đến nay vẫn đủ sức lấp lánh, gợi mở cho chúng ta nhiều suy nghĩ, rung động chúng ta bởi những tình cảm chân thành, trong sáng và hấp dẫn chúng ta bằng những nét tài hoa độc đáo.

Nói tới văn thơ của các nữ văn thi sĩ nửa đầu thế kỷ không thể không ghi nhận sự đóng góp phong phú trong tư duy sáng tạo của các chị. Tác phẩm của các chị chính là tiếng nói đại diện cho cái nhìn của giới nữ. Cùng với thơ - vốn là thể loại chủ yếu, truyền thống và đặc biệt thích ứng với việc biểu hiện tâm trạng vừa tinh tế, vừa sâu lắng của phụ nữ, các cây bút văn xuôi đã hoà nhập và góp phần tạo nên dòng tiến hoá của văn học hiện đại Việt Nam. Từ những thể loại truyền thống (thơ ca, phú, lục...) vươn tới những thể loại mới hiện đại (tiểu thuyết bút chiến, triết luận, khảo cứu, dịch thuật). Tiểu thuyết **Răng đen** của Anh Thơ, **Làm nũng, Vượt cạn** của Mộng Sơn, nghiên cứu **Giáo dục nhi đồng** của Đạm Phương, phê bình **Văn học và triết luận** của Mộng Sơn và nhiều tiểu thuyết, luận chiến văn chương khác. Bản dịch của Sương Nguyệt Anh (bộ **Yên sơn ngoại sử** của Trung Quốc) và Hải Đà (bài thơ tiếng Pháp **Les Fleurs du mal (Hoa khổ đau)** của Charles Baudelaire) ra đời... Tất cả ghi nhận hoạt động sôi nổi và đa dạng, tầm học vấn cao sâu của các cây bút nữ nửa đầu thế kỷ XX.

Người phụ nữ phải nhắc đến đầu tiên là Sương Nguyệt Anh, con gái của nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu. Bà là nữ chủ bút đầu tiên của Việt Nam, với tờ **Nữ giới chung** (1918). Bà còn làm thơ Đường luật, thơ chữ Nôm, thơ chữ Hán (**Thương bạch mai cảm đề, Đoan dương tiết cảm, Tân chinh phụ thán, Vua Thành Thái vào Nam...**). Một nhà thơ đa tài, một nữ tiên phong trong công cuộc đấu tranh vì quyền lợi, địa vị của phụ nữ nước ta lúc bấy giờ.

Nhà văn Phan Thị Bạch Vân cũng rất nổi bật với vai trò là chủ nhân **Nữ lưu thư quán**. Bà là một cây bút rất đa dạng với dịch thuật, tiểu thuyết... Riêng về tiểu thuyết, Phan Thị Bạch Vân cũng đóng góp cho văn học Nam Kỳ một phong cách riêng với tư tưởng rất tiến bộ. Do tinh thần yêu nước, bày quyền sách của Nữ Lưu thư quán đã bị cấm lưu hành trong năm 1928, trong đó riêng Phan Thị Bạch Vân đã có đến ba quyển, đó là **Gương nữ kiệt, Giám hồ nữ hiệp, Nữ anh tài**.

Về thơ, chúng ta thấy có Nguyễn Thị Kiêm tức nữ sĩ Mạnh Manh, “Nữ tiên phong Thơ mới ở Nam Kỳ”. Bà là người phụ nữ đầu tiên sáng tác Thơ mới, đã từng hăng hái đăng đàn diễn thuyết để bảo vệ Thơ mới. Nguyễn Thị Kiêm còn viết truyện ngắn, phê bình tiểu thuyết, sân khấu cải lương. Trong vai trò một nhà báo, bà rất xông xáo, kiên trì trong việc săn tin, phỏng vấn. Về mặt xã hội, Nguyễn Thị Kiêm cũng mạnh dạn đăng đàn diễn thuyết bênh vực nữ quyền, chống lại thuyết tam tòng, đả kích chế độ đa thê, chỉ trích tệ tảo hôn, đề cao người phụ nữ tân tiến. Mộng Tuyết, cô học trò xuất sắc của thi sĩ Đông Hồ cũng là một cây bút rất nổi bật trong phong trào Thơ mới ở Nam Bộ. Bà bắt đầu có nhiều bài viết đăng trên **Nam Phong tạp chí** năm 1930, sau đó chuyên viết truyện ngắn cho tuần báo **Sống** (1935) ở Sài Gòn. Năm 1939 tập thơ **Phấn hương rừng** của bà đã được tặng Giải thưởng văn chương của Tự lực văn đoàn. Năm 1943 bà đã cùng với các nhà thơ nữ Vân Đài, Hằng Phương, Anh Thơ ở miền Bắc xuất bản tập thơ **Hương xuân**.

Sáng tác của các tác giả nữ giai đoạn nửa đầu thế kỷ XX đã đạt được nhiều thành tựu đáng kể, khẳng định được ưu thế của phái đẹp trên văn đàn văn học. Văn thơ của các chị đã góp phần không nhỏ vào việc khám phá, nắm bắt, tái tạo cuộc sống; phản ánh tâm hồn, tình cảm của xã hội và con người trong những năm đầu thế kỷ. Những dấu ấn của các chị

làm nên diện mạo mang tính đặc thù của sáng tác nữ giới. Có thể nói, bối cảnh văn học với không khí sôi động, rầm rộ và mang đậm hiệu ứng tư tưởng nữ quyền từ các phong trào chính trị đã khơi dòng cho những người phụ nữ cầm bút. Đây là thời kỳ khai sáng của người phụ nữ và họ trở thành chủ thể của các hoạt động, lĩnh vực sáng tác.

5. KẾT LUẬN

Sự xuất hiện các cây bút nữ giai đoạn nửa đầu thế kỷ XX đã mang lại cả một diện mạo mới cho văn học Việt Nam, thu hút sự chú ý mạnh mẽ của dư luận. Từ thế giới bị phong kín, các nhà văn nữ đã mở ra một không gian riêng đậm chất nữ tính, khu biệt với văn học nam giới vốn định hình từ lâu trong văn học truyền thống. Những cá tính sáng tạo và cách nhìn thế giới và con người riêng của họ đã làm cho văn học có những đổi thay nhất định. Sự hình thành đội ngũ nhà thơ, nhà văn nữ giai đoạn này nằm trong quy luật vận động và đi lên của văn học. Với lực lượng sáng tác đông đảo và có những thành tựu đáng kể, sự ra đời của các cây bút nữ là sự bùng phát mãnh liệt của ý thức sáng tạo trong văn học hôm nay. Thâm nhập thế giới nghệ thuật của các nhà văn, nhà thơ nữ, người đọc như gặp được tiếng nói đồng cảm để hiểu sâu hơn về cuộc đời, về con người. Những sáng tác của văn học nữ chuyển động mạnh mẽ trong thời đại của tư tưởng nữ quyền đã đem lại nhiều thành tựu mới mẻ, có giá trị khoa học.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Hoài Anh, Thành Nguyên, Hồ Sĩ Hiệp (1988). *Văn học Nam Bộ từ đầu đến giữa thế kỷ XX (1900-1954)*, NXB Thành phố Hồ Chí Minh.
- [2] Phương Lưu (2001). “Suy nghĩ về đặc điểm của nữ văn sĩ”, *Văn nghệ quân đội* (4), tr. 5.
- [3] Nguyễn Xuân Nam (1985). *Thơ - Tìm hiểu và thưởng thức*, NXB Tác phẩm mới, Hà Nội.
- [4] Trịnh Thanh Thuý (2007). “Phụ nữ chúng tôi phải viết”, www.damau.org.
- [5] Nguyễn Thị Thanh Xuân (2001). *Người phụ nữ Việt Nam trong văn học*, NXB Đại học mở bán công.

Title: THE FORMATION OF WOMEN POETS AND WRITERS IN THE FIRST HALF OF THE TWENTIETH CENTURY

Abstract: In the first half of the twentieth century, Vietnamese literature was happening the process of modernization. Along with the general change of literature life, many women writers who came into being marks a new development of literature. The creation of women writers contributed to diversity of a new literature, reflecting the democratic foundation of modern literature. The contribution of women writers help readers identify the real world which is diversified and full of humanity. This article acknowledges contribution of the women writers in the early period of the process of modernizing Vietnamese literature.

Keywords: Vietnamese literature, women's literature, feminist, creative personality

TS. ĐẶNG THỊ NGỌC PHƯỢNG

Khoa Ngữ văn, Trường Đại học Sư phạm - Đại học Huế